TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Nguyễn Duy Viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Quang Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; nơi đăng ký HKTT: Khu 2, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn Lai P, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Duy H1, sinh năm 19xx; nơi đăng ký HKTT: Khu 2, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Khu 8, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Hồng) trình bày:

Chị H và anh Bùi Duy H1 kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/3/2012. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận được 04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, một phần do anh

H1 không quan tâm đến gia đình, vợ con nên anh chị thường hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên gia đình của anh chị cũng đã hoà giải nhiều lần nH1 không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Chị H khẳng định, hiện chị không còn tình cảm với anh H1, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn anh H1. Chị và anh H1 có 02 con chung là Bùi Duy H2, sinh ngày 10/5/2013 và Bùi Duy H3, sinh ngày 30/8/2020. Kể từ khi anh chị sống ly thân đến nay con Duy H2 do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, con Duy H3 do chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Hồng đề nghị Toà án tiếp tục giao con Duy H3 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Duy H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị Hồng xin tự thoả thuận với anh H1, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 trình bày, xác nhận về thời gian kết hôn, thời điểm sống ly thân, con chung là hoàn toàn đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do chị Hồng có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh H1 đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị Hồng không thay đổi dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù anh và chị H đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai nhưng anh H1 không đồng ý ly hôn chị Hồng. Kể từ khi anh chị sống ly thân đến nay anh H1 có tìm chị Hồng để hoà giải nhưng không có kết quả, anh H1 không còn giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp nếu phải ly hôn, anh H1 đề nghị Toà án giao con Duy H2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Duy H3 cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con anh xin tự giải quyết với chị Hồng, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh H1 và chị Hồng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Tiên Lãng vào năm 2012 theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 2, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nhưng sinh sống tại Khu 8, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 03-04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng nghi ngờ nhau ngoại tình nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh H1 có đến tìm chị Hồng nH1 không phải để hoà giải mà đến để kiếm cớ gây sự với chị Hồng. Anh chị có 02 con chung như chị Hồng, anh H1 khai. Kể từ khi anh chị sống ly thân, con Duy H2 do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; con Duy H3 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Trường hợp nếu anh chị phải ly hôn, Toà án nên giao cho anh chị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con là phù hợp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng được ly hôn anh Bùi Duy H1; giao con Bùi Duy H3, sinh ngày 30/8/2020 cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Bùi Duy H2, sinh ngày 10/5/2013 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị Hồng phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Bùi Duy H1 là bị đơn, có nơi đưng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, hiện có nơi ở tại: Khu 8, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (chị Hồng) vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn (anh H1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh H1.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Duy H1 được xác lập từ ngày 16/3/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn, anh H1 không đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn và kết quả xác minh tại địa phương, sự phù hợp đó thể hiện: Trong thời gian chung sống anh chị chung sống hoà thuận với nhau được 04 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh, do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình dẫn tới vợ chồng thường xuyên bất hoà. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh H1 không muốn ly hôn chị H nhưng trong thời gian anh chị sống ly thân, anh H1 không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Trong thời gian này, anh H1 có tới tìm chị Hồng mục đích là để hoà giải nhưng lại có lời nói, hành vi chửi bới, đe doạ chị Hồng nên đã làm trầm trọng hơn tình trạng hôn nhân của anh chị. Mặt khác, chị Hồng khẳng định chị không còn tình cảm với anh H1, không thể đoàn tụ, chung sống lâu dài cùng anh H1. Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Hồng và anh H1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị Hồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị Hồng được ly hôn anh H1.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Duy H2, sinh ngày 10/5/2013 và Bùi Duy H3, sinh ngày 30/8/2020. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu Duy H2 do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng tốt; cháu Duy H3 do chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng tốt. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị không tranh chấp với nhau về con chung và đã thống nhất, thoả thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, chị Hồng, anh H1 đều có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định, đủ điều kiện nhận trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Việc thoả thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh chị không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và điều kiện hiện tại của anh chị, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận sự thoả thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ky hôn của anh chị: Chị Hồng được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Duy H3; anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Duy H2. Về việc cấp dưỡng cho con, các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Duy H1.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Duy H3, sinh ngày 30/8/2020 và Bùi Duy H2, sinh ngày 10/5/2013. Anh chị thoả thuận: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Duy H2, anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Duy H3. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 20/11/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009105 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời H3 thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 33/2012);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang